TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 411/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2025
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ẩn

2. Bà Phan Thị Dòn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1055/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phan Thị Đ**, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 02 Đường *, Phường *, Quận *, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Phú Q,** sinh năm 1976 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: A35/11AN1 ấp *, xã B, huyện B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 29/11/2024, bản tự khai ngày 30/12/2024 nguyên đơn bà Phan Thị Đ trình bày:

Bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn Phú Q bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức đám cưới, do hai bên tự tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường *, Quận *, Thành phố H vào ngày 14/8/2000. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống bình thường không xảy ra mâu thuẫn. Đến

năm 2002 khi bà Đ sinh con đầu lòng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông Q thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc không có trách nhiệm với gia đình, với vợ con hay chửi mắng bà Đ. Hai vợ chồng đã không còn hạnh phúc và bắt đầu sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Đ và ông Q không còn, hôn nhân không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Phan Thị Đ yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phú Q.

Về con chung: Bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn Phú Q chung sống có 02 con chung tên là Nguyễn Phú Quốc A (nam), sinh ngày 06/7/2002 (đã trưởng thành) và Nguyễn Phú Quốc T (nam), sinh ngày 23/12/2005 (đã trưởng thành). Vì các con đã trưởng thành nên bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Phú Q vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay mà không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Phan Thị Đ đối với ông Nguyễn Phú Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phan Thị Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phú Q. Căn cứ vào Kết quả trả lời xác minh do Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố H cung cấp theo Công văn số 390/UBND ngày 14/02/2025 thì: *"Qua xác minh Trưởng ấp * cung cấp thông tin như sau: Mâu thuẫn: Không rõ. Có 02 người con chung là Nguyễn Phú Quốc A, sinh ngày 06/7/2002 và Nguyễn Phú Quốc T, sinh ngày 23/12/2005 hiện đang sống cùng ông Nguyễn Phú Q tại căn nhà số A35/11AN1 Ấp * (nay thuộc Ấp *) xã B, huyện B, Thành phố H. Khoản 01 năm nay bà Phan Thị Đ không còn sinh sống tại nhà số A35/11AN1 Ấp * (nay thuộc Ấp *) xã B, huyện B, Thành phố H"* nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

+ Bà Phan Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Phan Thị Đ.

+ Ông Nguyễn Phú Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Phú Q.

[3] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn 125/2000 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường *, Quận *, Thành phố H cấp ngày 14/8/2000 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn Phú Q là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị Đ trình bày: Bà Đ và ông Q bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức đám cưới, do hai bên tự tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường *, Quận *, Thành phố H vào ngày 14/8/2000. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống bình thường không xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2002 khi bà Đ sinh con đầu lòng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông Q thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc không có trách nhiệm với gia đình, với vợ con hay chửi mắng bà Đ. Hai vợ chồng đã không còn hạnh phúc và bắt đầu sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Đ và ông Q không còn, hôn nhân không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Phan Thị Đ yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phú Q.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Nguyễn Phú Q đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn Phú Q. Nhưng ông Q vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án, cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hoặc yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó cho thấy ông Q đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân cũng không thể hiện thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Phan Thị Đ. Như vậy, ông Q đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên ông Nguyễn Phú Q phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị Đ xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho

hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Căn cứ vào Công văn trả lời xác minh số 390/UBND ngày 14/02/2025 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố H về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình của bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn Phú Q thì được biết: *"Qua xác minh Trưởng ấp * cung cấp thông tin như sau: Mâu thuẫn: Không rõ. Có 02 người con chung là Nguyễn Phú Quốc A, sinh ngày 06/7/2002 và Nguyễn Phú Quốc T, sinh ngày 23/12/2005 hiện đang sống cùng ông Nguyễn Phú Q tại căn nhà số A35/11AN1 Ấp * (nay thuộc Ấp *) xã B, huyện B, Thành phố H. Khoản 01 năm nay bà Phan Thị Đ không còn sinh sống tại nhà số A35/11AN1 Ấp * (nay thuộc Ấp *) xã B, huyện B, Thành phố H"*

Xét thấy bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn Phú Q đã có thời gian sống ly thân với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông Q cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và không có thiện chí để đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông Q mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Phan Thị Đ yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Phú Q là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Từ các nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Đ đối với ông Nguyễn Phú Q.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ lời khai của bà Phan Thị Đ: Bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn Phú Q chung sống có 02 con chung tên là Nguyễn Phú Quốc A (nam), sinh ngày 06/7/2002 (đã trưởng thành) và Nguyễn Phú Quốc T (nam), sinh ngày 23/12/2005 (đã trưởng thành). Vì các con đã trưởng thành nên bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung. Do đó Tòa án không xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Phan Thị Đ xác nhận không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn Phú Q, sau này có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3.3] Về nợ chung: Bà Phan Thị Đ xác nhận ông bà chung sống không có nợ ai. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn Phú Q.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Phan Thị Đ phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 8, 9, 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Đ đối với ông Nguyễn Phú Q.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn Phú Q chấm dứt. Giấy chứng nhận kết hôn 125/2000, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường *, Quận *, Thành phố H cấp ngày 14/8/2000 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Quá trình chung sống bà Đ và ông Q có 02 con chung tên là Nguyễn Phú Quốc A (nam), sinh ngày 06/7/2002 (đã trưởng thành) và Nguyễn Phú Quốc T (nam), sinh ngày 23/12/2005 (đã trưởng thành). Vì các con đã trưởng thành bà Đ không có yêu cầu về con chung nên Tòa án không xét.

3. Về tài sản chung: Bà Phan Thị Đ xác nhận không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn Phú Q, sau này có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà Phan Thị Đ xác nhận ông bà chung sống không có nợ ai. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn Phú Q.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0051488 ngày 10/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Thị Đ đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn Phú Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Huyền